TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2019
V/v Tranh chấp HNGĐ ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến.

Ông Phan Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 518/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị Châu T sinh năm: 1966

Địa chỉ: Ấp 5, xã TB, thị xã CL, tỉnh TG.

Bị đơn: Nguyễn Văn Đ sinh năm: 1964

Địa chỉ: Ấp MP1, xã MQ, huyện TM, tỉnh ĐT.

(Bà T có mặt tại phiên tòa, ông Đ có đơn xin vắng mặt phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phan Thị Châu T trình bày: Bà với ông Nguyễn Văn Đ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1984, không có đăng ký hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng về sau tình cảm trở nên nhợt nhạt và bất đồng quan điểm với nhau.

Hiện tại bà và ông Đ đã ly thân 20 năm, nhận thấy tình cảm cả hai không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Có 03 đứa con chung: Nguyễn Chiêu T1, sinh năm: 1986; Nguyễn Chiêu S, sinh năm: 1988; Nguyễn Thị Phương H sinh năm: 1991 (Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/01/2019 ông Nguyễn Văn Đ trình bày: ông và bà T sống chung với nhau từ năm 1984 không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung có hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng không cùng quan điểm sống thường xuyên cải vã rồi bà T bỏ về nhà mẹ ruột sống, ông có xuống năn nỉ hai lần nhưng bà T không đồng ý về, từ đó vợ chồng ly thân đến nay hơn 20 năm. Nay ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Chiêu T1 sinh năm: 1986; Nguyễn Chiêu S, sinh năm: 1988; Nguyễn Thị Phương H, sinh năm: 1991, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: - Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông Đ.

- Về con chung: Có 03 con chung Nguyễn Chiêu T1, sinh năm: 1986; Nguyễn Chiêu S, sinh năm: 1988; Nguyễn Thị Phương H, sinh năm: 1991, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị Châu T ghi ngày 12/12/2018, quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ

và ông Đ có đơn xin vắng mặt các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân năm 2015 xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Châu T và ông Nguyễn Văn Đ sống chung với nhau từ năm 1984, không có đăng ký hôn, vợ chồng sống chung có hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẩn và vợ chồng đã ly thân hơn 20 năm hiện nay không còn tình cảm nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Đ vì bà cho rằng tình cảm không còn, hiện nay vợ chồng đã ly thân và từ thời gian ly thân đến nay hai bên không hàn gắn được và ông Đ cũng đồng ý ly hôn. Mặc dù hôn nhân giữa bà T và ông Đ không có đăng ký hôn nhưng bà T và ông Đ đã sống chung với nhau từ 1984 nên được xem là hôn nhân thực tế. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông Đ thống nhất có 03 con chung tên Nguyễn Chiêu Tăng, sinh năm: 1986; Nguyễn Chiêu Sương, sinh năm: 1988; Nguyễn Thị Phương Hồng, sinh năm: 1991, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Xét, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông Đ có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa.

Và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông Đ; Con chung không yêu cầu giải quyết; Tài sản, nợ chung không có. Như đã nhận định ở phần trên. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Châu T với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà T và ông Đ thống nhất có 03 con chung tên Nguyễn Chiêu T1, sinh năm: 1986; Nguyễn Chiêu S, sinh năm: 1988; Nguyễn

Thị Phương H, sinh năm: 1991, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số BH/2017/0004104, quyển số 0000083 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bà T được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án cấp trên. Đối với ông Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND Tỉnh ĐT
- VKSND cùng cấp.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án (M)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Mai